

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 160/2022/HS-ST
Ngày 23-9-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lục Kim Thanh

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 158/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 tại C; địa chỉ thường trú: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và bà Trần Thị N, sinh năm 1962; có vợ Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

1. Ngày 17/7/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố C xử phạt 02 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 192/2013/HSST. Chấp hành xong án phí ngày 27/11/2013.

2. Ngày 09/9/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 82/2013/HSST, tổng hợp hình phạt của Bản án số 192/2013/HSST, buộc chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2013, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2016 và án phí ngày 28/11/2013.

Ngày 14/5/2022, Nguyễn Văn Đ ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B cho đến nay.

- *Bị hại*: Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường D16, khu công nghiệp M, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; thường trú tại: Thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Q. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L; địa chỉ trụ sở: Số 37/4, đường số 5, khu phố 2, phường L, quận T(nay là thành phố T), Thành phố H

Người đại diện hợp pháp: Ông Lương Ngọc B – Nhân viên Văn phòng. Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 23/9/2022. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ từng làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Công ty S). Quá trình làm việc, Đ quen biết với Nguyễn Văn T là nhân viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L được phân công bảo vệ mục tiêu tại Công ty S. Đ làm việc ở Công ty S được một thời gian thì nghỉ nhưng vẫn hay đến Công ty để chơi với T.

Ngày 10/01/2021, Nguyễn Văn T được phân công trực bảo vệ cùng với bà H ca trực từ tối ngày 10/01/2021 đến sáng ngày 11/01/2021. Trong khi trực, T vào bên trong nhà bảo vệ ngủ, còn bà H gác cổng.

Khoảng 00 giờ ngày 11/01/2021, T gọi điện thoại cho Đ đến Công ty S chở T về phòng trọ giùm. Đ đồng ý và điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến Công ty S. Đến khoảng 01 giờ 45 phút cùng ngày, Đ đến chốt bảo vệ kêu T dậy. T mặc áo khoác màu đen, mở cổng dẫn Đ đi vào phía trong nhà kho của Công ty, còn bà H vẫn ngồi tại chốt bảo vệ. Khi vào trong kho, Đ lấy 01 bao ny lon màu xanh có sẵn trong kho rồi lấy trộm 02 cái chảo cát vào bao. T nói với Đ “đừng lấy chỗ đó, lấy chỗ đó người ta biết, đi vô trong”. Đ đưa bao nylon cho T còn mình thì núp vào chỗ tối tránh để camera của Công ty. T lấy nhiều chảo, nôi bỏ vào bao, sau đó T kêu Đ mang bao nylon ra ngoài chở về phòng trọ của T rồi quay lại chở T về. Khi T đi ra ngoài nói với bà H “im lặng không được nói cho ai biết” rồi ngồi lên xe của Đ chạy đi. H sợ bị T trả thù nên không báo cho Công ty S biết. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô chở T về phòng trọ của T ở khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B. Tại đây, Đ lấy 07 cái chảo đem về nhà tại ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh C để sử dụng, số chảo còn lại T đem bán lấy tiền, tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 08 giờ ngày 11/01/2021, Công ty S kiểm tra hàng hóa thì phát hiện bị mất trộm: 36 (ba mươi sáu) bộ nôi có mã hàng H18023-T18; 27

(hai mươi bảy) bộ nồi có mã hàng H19001- T26; 25 (hai mươi lăm) bộ chảo có mã hàng H19005-J20 và 30 (ba mươi) bộ chảo có mã hàng H19005-J26. Công ty kiểm tra lại camera an ninh của Công ty thì phát hiện T cùng Đ lấy trộm tài sản của Công ty nên làm đơn trình báo đến Đoàn Công an Khu công nghiệp M. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Bến Cát để xử lý thẩm quyền.

Ngày 07/02/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B thu giữ được: 01 nồi hiệu H18023 tại nhà của Nguyễn Văn Đ ở ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh C.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 36 bộ nồi mã hàng H18023-T18 trị giá 3.366.000 đồng, 27 bộ nồi mã hàng H19001-T26 trị giá 1.841.400 đồng, 25 bộ chảo mã hàng H19005-J20 trị giá 1.237.500 đồng, 30 bộ chảo mã hàng H19005-J26 trị giá 2.145.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.589.900 đồng.

Ngày 18/4/2022, Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 58/2022/HS-ST.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Đ bỏ trốn nên bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B ra quyết định truy nã. Ngày 14/5/2022, Nguyễn Văn Đ đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B đầu thú.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của Đ phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án. Đ khai chiếc xe mô tô hiệu Wave, không rõ biển số sử dụng để chở tài sản trộm được là của Đen. Sau khi phạm tội Đ đã bán cho một người không rõ lai lịch. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B không tiến hành thu hồi được.

Ngày 07/2/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B xử lý vật chứng, giao trả: 01 nồi hiệu H18023 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S. Về trách nhiệm dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L đã bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH S. Công ty TNHH S đã nhận đủ tiền bồi thường nên không yêu cầu giải quyết gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 160/CT-VKSBC ngày 08/9/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại Bản Cáo trạng số 160/CT-VKS-BC ngày

08/9/2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, nội dung bản Cáo trạng số 160/CT-VKSBC ngày 08/9/2022 và Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS 19/3/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của thị xã B.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L không yêu cầu giải quyết đối với số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L đã bồi thường cho Công ty S. Đồng thời có yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn Đ: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và phần luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 01 giờ 45 phút đến 02 giờ 10 phút ngày 11/01/2021, tại kho hàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén lút lấy trộm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S: 36 bộ nồi mã hàng H18023-T18, 27 bộ nồi mã hàng H19001-T26,

25 bộ chảo mã hàng H19005-J20, 30 bộ chảo mã hàng H19005-J26. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.589.900 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Nguyễn Văn Đ thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng số 160/CT-VKSBC ngày 08/9/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B đã truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo đầu thú và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân: Bị cáo Đ người có nhân thân xấu. Năm 2013, bị Toà án nhân dân thành phố C xử phạt 02 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 192/2013/HSST và bị Toà án nhân dân tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 82/2013/HSST. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần

phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Đ là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Do đó, có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Về vật chứng: Ngày 07/02/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B thu được: 01 nôi hiệu H18023 tại nhà của bị cáo Nguyễn Văn Đ ở ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh C. Ngày 07/2/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B xử lý vật chứng, giao trả: 01 nôi hiệu H18023 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S. Việc giao trả này là phù hợp quy định pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty S đã được Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L bồi thường toàn bộ thiệt hại nên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự gì thêm trong vụ án này. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ L cũng không yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại số tiền mà Công ty đã bồi thường cho Công ty TNHH S trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp với bị cáo Đ sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó, không đặt ra xem xét trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc